



DANH SÁCH CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG
THÁNG 3/2020

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số vào sổ	Số hiệu Bằng	Số quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
1	Đặng Phước	Toàn	15CĐ-ĐCN1	13/12/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10900	B 1118989	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
2	Nguyễn Đình	Thống	15CĐ-ĐCN3	31/01/1997	Nam	Kinh	Long An	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10901	B 1118927	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
3	Nguyễn Quang	Trường	15CĐ-ĐCN3	23/7/1997	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10902	B 1118928	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
4	Kiều Chính	Nghĩa	15CĐ-ĐCN4	12/3/1995	Nam	Chăm	Ninh Thuận	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10903	B 1118929	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
5	Mai Trọng	Quý	15CĐ-ĐCN4	27/11/1997	Nam	Kinh	Bắc Ninh	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	Chính quy	10904	B 1118930	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
6	Bùi Phạm Hữu	Cường	15CĐ-CTM5	14/3/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Trung bình	Chính quy	10905	B 1118931	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
7	Nguyễn Trung	Tấn	15CĐ-Ô1	01/9/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10906	B 1118932	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
8	Nguyễn Minh	Trường	15CĐ-Ô2	06/7/1997	Nam	Kinh	Tiền Giang	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10907	B 1118933	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
9	Trương Võ Tấn	Huy	15CĐ-Ô4	19/9/1995	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10908	B 1118934	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
10	Vũ Phạm Thái	Bình	15CĐ-Ô6	02/02/1996	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10909	B 1118935	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
11	Nguyễn Nhật	Tuân	15CĐ-Ô6	10/02/1997	Nam	Kinh	Cần Thơ	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10910	B 1118936	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
12	Nguyễn Quang	Huy	15CĐ-TP1	16/10/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2020	Công nghệ thông tin	Trung bình	Chính quy	10911	B 1118937	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
13	Huỳnh Tấn	Chánh	16CĐ-ĐCN1	01/01/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10912	B 1118938	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
14	Nguyễn Đình	Duy	16CĐ-ĐCN1	20/6/1998	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10913	B 1118939	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
15	Lê Phong	Hào	16CĐ-ĐCN1	11/9/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10914	B 1118940	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
16	Nguyễn Duy	Kha	16CĐ-ĐCN1	02/5/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10915	B 1118941	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số vào sổ	Số hiệu Bằng	Số quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
17	Nguyễn Vũ	Phát	16CĐ-ĐCN1	29/8/1998	Nam	Kinh	Cà Mau	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10916	B 1118942	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
18	Hoàng Trọng	Son	16CĐ-ĐCN1	15/8/1995	Nam	Kinh	Gia Lai	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10917	B 1118943	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
19	Trương Quang	Vinh	16CĐ-ĐCN1	10/5/1997	Nam	Kinh	Đồng Nai	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10918	B 1118944	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
20	Ngô Khắc	Bảo	16CĐ-ĐCN2	18/4/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10919	B 1118945	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
21	Nguyễn Ngọc	Khôi	16CĐ-ĐCN2	06/01/1997	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10920	B 1118946	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
22	Trần Xuân	Minh	16CĐ-ĐCN2	15/6/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10921	B 1118947	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
23	Lương Hoài	Nam	16CĐ-ĐCN2	03/12/1998	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10922	B 1118948	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
24	Phan Xuân	Đức	16CĐ-ĐCN3	19/3/1998	Nam	Kinh	Bình Định	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10923	B 1118949	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
25	Hoàng Thế	Lực	16CĐ-ĐCN3	30/4/1996	Nam	Kinh	Cần Thơ	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10924	B 1118950	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
26	Lư Trần	Oai	16CĐ-ĐCN3	01/11/1998	Nam	Chăm	Bình Thuận	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10925	B 1118951	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
27	Nguyễn Trọng	Thiển	16CĐ-ĐCN3	25/5/1998	Nam	Kinh	Cà Mau	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10926	B 1118952	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
28	Nguyễn Văn	Thuận	16CĐ-ĐCN3	25/02/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10927	B 1118953	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
29	Đỗ Thanh	An	16CĐ-ĐCN4	26/8/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10928	B 1118954	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
30	Lý Thành	Đạt	16CĐ-ĐCN4	11/5/1997	Nam	Kinh	Bình Phước	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10929	B 1118955	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
31	Đỗ Phước Nhật	Minh	16CĐ-ĐCN4	19/02/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10930	B 1118956	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
32	Hồ Thanh	Phong	16CĐ-ĐCN4	25/9/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10931	B 1118957	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
33	Nguyễn Văn	Đel	16CĐ-ĐCN5	15/10/1997	Nam	Kinh	Cà Mau	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10932	B 1118958	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
34	Bay Công	Hậu	16CĐ-ĐCN5	14/9/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	Chính quy	10933	B 1118959	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
35	Kiều Anh	Hào	16CĐ-ĐL1	02/11/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2020	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Trung bình	Chính quy	10934	B 1118960	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số vào sổ	Số hiệu Bằng	Số quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
36	Ngô Thành	Công	16CD-CTM2	03/9/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Trung bình	Chính quy	10935	B 1118961	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
37	Lê Văn Thành	Đạt	16CD-CTM2	17/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Trung bình	Chính quy	10936	B 1118962	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
38	Trần Văn	Hung	16CD-CTM2	10/4/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Trung bình	Chính quy	10937	B 1118963	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
39	Vũ Hoàng	Linh	16CD-CTM4	28/3/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Trung bình	Chính quy	10938	B 1118964	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
40	Nguyễn Huỳnh Gia	Bảo	16CD-Ô1	19/3/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10939	B 1118965	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
41	Bùi Đức Công	Danh	16CD-Ô1	02/12/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10940	B 1118966	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
42	Nguyễn Hữu	Toàn	16CD-Ô1	17/5/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10941	B 1118967	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
43	Nguyễn Thanh	Tuấn	16CD-Ô1	15/11/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10942	B 1118968	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
44	Phạm Đức	Trí	16CD-Ô2	04/8/1998	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10943	B 1118969	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
45	Diệp Thanh	Nam	16CD-Ô3	03/3/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10944	B 1118970	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
46	Phạm Văn Minh	Nhật	16CD-Ô4	19/5/1998	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10945	B 1118971	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
47	Hồ Minh	Hiếu	16CD-Ô5	21/9/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10946	B 1118972	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
48	Phan Thanh	Lâm	16CD-Ô5	16/8/1997	Nam	Kinh	Thừa Thiên -Huế	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10947	B 1118973	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
49	Nguyễn Duy	Tân	16CD-Ô5	10/01/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10948	B 1118974	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
50	Hà Văn	Đông	16CD-Ô6	25/3/1998	Nam	Kinh	Ninh Bình	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10949	B 1118975	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
51	Lê Quang	Sơn	16CD-Ô6	20/5/1996	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10950	B 1118976	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
52	Nguyễn Thanh Anh	Tuấn	16CD-Ô6	25/7/1997	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10951	B 1118977	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
53	Võ Thanh	Việt	16CD-Ô6	30/5/1997	Nam	Kinh	Long An	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10952	B 1118978	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
54	Trần Hoàng	Huy	16CD-Ô9	05/10/1998	Nam	Kinh	Bình Thuận	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10953	B 1118979	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số vào sổ	Số hiệu Bằng	Số quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
55	Hồ Duy	Thanh	16CD-Ô9	20/5/1998	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10954	B 1118980	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
56	Nguyễn Đình	Thùy	16CD-Ô9	25/9/1998	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10955	B 1118981	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
57	Trần Hữu	Phúc	16CD-Ô10	19/02/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10956	B 1118982	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
58	Nguyễn Đức	Thái	16CD-Ô10	30/9/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trung bình	Chính quy	10957	B 1118983	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
59	Trần Phan Quốc	Bảo	16CD-TP1	09/12/1998	Nam	Kinh	Khánh Hoà	2020	Coông nghệ thông tin	Trung bình	Chính quy	10958	B 1118984	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
60	Tôn Chí	Hùng	16CD-TP1	10/5/1998	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2020	Coông nghệ thông tin	Trung bình	Chính quy	10959	B 1118985	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
61	Vương Gia	Quý	16CD-TP1	12/9/1998	Nam	Hoa	Đồng Nai	2020	Coông nghệ thông tin	Trung bình	Chính quy	10960	B 1118986	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
62	Hoàng Công	Tài	16CD-TP1	02/9/1998	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2020	Coông nghệ thông tin	Trung bình	Chính quy	10961	B 1118987	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			
63	Nguyễn Thế Anh	Tuấn	16CD-TW1	16/7/1998	Nam	Kinh	Nghệ An	2020	Coông nghệ thông tin	Trung bình	Chính quy	10962	B 1118988	260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020	08/4/2020			

Tổng cộng danh sách có 63 sinh viên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020
HIỆU TRƯỞNG